

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA**

GIÁO TRÌNH

**MÔN HỌC: LÝ THUYẾT KIỂM TOÁN
NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2020)

Sơn La, năm 2020

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình LTKT được xây dựng dựa vào chương trình môn học, do khoa Kinh tế phụ trách giảng dạy. Là môn học chuyên môn tạo tiền đề để đánh giá các môn chuyên môn kế toán doanh nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp trình độ trung cấp.

Trân trọng cảm ơn các đồng nghiệp đã tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình biên soạn để tôi hoàn thiện giáo trình này.

Sơn La, năm 2020

Chủ biên: Vì Việt Hà

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Lý thuyết kiểm toán

Mã số môn học: MH

- Vị trí: Kiểm toán là một trong những môn học chuyên môn của nghề kế toán doanh nghiệp. Nó có quan hệ mật thiết với các môn học Kế toán, tài chính nên được bố trí học sau khi sinh viên đã được học những môn học chuyên môn của nghề như Kế toán DN 1,2; Thực hành kế toán trong DN sản xuất.

- Tính chất: Môn học kiểm toán cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm toán, các khái niệm sử dụng trong kiểm toán, phương pháp kiểm toán, quy trình và trình tự kiểm toán, làm nền tảng cho sinh viên nhận thức được vai trò của kiểm toán trong hoạt động của các đơn vị.

Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được những khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán
- + Xác định được các qui trình và trình tự kiểm toán
- + Vận dụng kiến thức của kiểm toán vào kiểm tra công tác kế toán tại doanh nghiệp

- Về kỹ năng:

- + Phân tích các phần hành kế toán, các báo cáo kế toán, thực hiện công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp

- + Ứng dụng vào công tác kế toán tại doanh nghiệp

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tuân thủ những nguyên tắc về đạo đức của kiểm toán viên: Thẳng thắn, trung thực

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN

Mục tiêu:

- Trình bày được những kiến thức tổng quát về kiểm toán gồm: khái niệm, chức năng, ý nghĩa, mục đích, phân loại trong kiểm toán
 - Thực hiện và phân tích được những chức năng và các loại kiểm toán trong qua trình kiểm toán
 - Tuân thủ được những nguyên tắc của kiểm toán: Thật thà, trung thực
- Nội dung chương:

1. Khái niệm kiểm toán

1.1. Các quan điểm về kiểm toán

Kế toán là công cụ quản lý kinh tế, tài chính thể hiện ở chỗ kết quả công việc kế toán là đưa ra các thông tin trên báo cáo tài chính (BCTC) và những chỉ tiêu phân tích, đề xuất giúp cho người lãnh đạo, điều hành đưa ra quyết định đúng đắn.

Vì thế, mọi người sử dụng thông tin từ BCTC đều mong muốn nhận được các thông tin trung thực và hợp lý

Hoạt động kiểm toán ra đời là để kiểm tra và xác nhận về sự trung thực và hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và BCTC của các doanh nghiệp, tổ chức; để nâng cao sự tin tưởng của người sử dụng các thông tin từ BCTC đã được kiểm toán.

Kiểm toán có gốc từ latin là “audit”. từ “auditing” có nguồn gốc từ động từ “audive” có nghĩa là “nghe”. hình ảnh của kiểm toán cổ điển là việc kiểm tra là việc kiểm tra về tài sản, phần lớn được thực hiện bằng cách người ghi chép đọc to lên cho một bên độc lập “nghe” rồi chấp nhận.

Theo Liên đoàn kế toán Quốc tế (International federation of Accountants - IFAC) - là việc các Kiểm toán viên độc lập kiểm tra và trình bày ý kiến của mình về các bản báo cáo TC.

Đối tượng kiểm toán: báo cáo TC

Nội dung: kiểm tra và bày tỏ quan điểm

Người thực hiện: Kiểm toán viên độc lập

Theo tiến sĩ Rober N. Anthor (đại học Harvard) – Kiểm toán là việc xem xét, kiểm tra các ghi chép kế toán bởi các Kiểm toán viên công cộng được thừa nhận độc lập và ở bên ngoài tổ chức kiểm tra.

Theo định nghĩa của Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC) "Kiểm toán là việc các kiểm toán viên (KTV) độc lập kiểm tra và trình bày ý kiến của mình về BCTC".

Theo chuẩn mực kế toán Vương quốc Anh - là sự kiểm tra độc lập và bày tỏ ý kiến về những bản khai tài chính của một đơn vị do Kiểm toán viên được bổ nhiệm để thực hiện các công việc đó theo đúng các nghĩa vụ pháp định có liên quan.

Theo Nghị định 07/CP ban hành ngày 29/1/94 của Chính Phủ - kiểm toán độc lập là việc kiểm tra, xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về tính đúng đắn, hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội khi có yêu cầu của các đơn vị này.

2.2. Khái niệm về kiểm toán

Có rất nhiều khái niệm, nhưng theo các tác giả Alvin A.Aen và James K.Loebbecker trong giáo trình "Kiểm toán" đã nêu một định nghĩa chung về kiểm toán như sau:

Kiểm toán là quá trình các chuyên gia độc lập và thẩm quyền thu thập và đánh giá các bằng chứng về các thông tin có thể định lượng được của một đơn vị cụ thể, nhằm mục đích xác nhận và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin này với các chuẩn mực đã được thiết lập.

Các thuật ngữ trong khái niệm này được hiểu như sau:

Các chuyên gia độc lập và có thẩm quyền

các chuyên gia này có thể là kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nhà nước, kiểm toán viên nội bộ. tuy có thể có những đặc điểm khác nhau, song các kiểm toán viên phải là những người độc lập và có thẩm quyền đối với đối tượng được kiểm toán.

- Về tính độc lập:

kiểm toán viên phải độc lập đối với đối tượng được kiểm toán trên 2 mặt:

+ Độc lập về mặt tình cảm: kiểm toán viên không có quan hệ về mặt tình cảm đối với lãnh đạo đơn vị được kiểm toán: anh, chị, em, bố, mẹ, vợ, chồng,

+ Độc lập về mặt kinh tế: kiểm toán viên không có quan hệ về mặt kinh tế đối với đơn vị được kiểm toán: như không có các hợp đồng kinh tế, không có cổ phần cổ phiếu ở đơn vị được kiểm toán, ...

Như vậy, độc lập về mặt kinh tế thể hiện là kiểm toán viên không có bất cứ một lợi ích phát sinh nào từ đơn vị được kiểm toán. tính độc lập chỉ là một khái niệm tương đối nhưng nó phải là mục tiêu hướng tới và phải đạt được ở mức độ nhất định. khi tính độc lập bị vi phạm sẽ ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán.

chính vì vậy, khi cuộc kiểm toán bị giới hạn bởi tính độc lập kiểm toán viên phải khắc phục và nếu không loại trừ được tính hạn chế, kiểm toán viên phải giải trình và nêu sự ảnh hưởng đến kết quả kiểm toán trong báo cáo kiểm toán.

- Về tính thẩm quyền:

Kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nhà nước hay kiểm toán viên nội bộ có mức độ thẩm quyền khác nhau đối với đơn vị được kiểm toán. song dù ở mức độ nào cũng phải được quy định trong các văn bản pháp quy.

Thu thập và đánh giá các bằng chứng:

Thực chất quá trình kiểm toán viên là quá trình kiểm toán viên sử dụng các phương pháp, các kỹ thuật nghiệp vụ để thu thập và đánh giá các bằng chứng kiểm toán.

Các thông tin có thể định lượng được của 1 đơn vị:

Các thông tin có thể định lượng được của 1 đơn vị bao gồm nhiều dạng khác nhau. Những thông tin này có thể là các thông tin trong BCTC của một đơn vị, hoặc giá trị quyết toán của 1 hợp đồng xây dựng, hoặc 1 bản kê khai thuế,

Các thông tin định lượng có 2 dạng:

- + Thông tin tài chính có thể định lượng được, đo lường bằng tiền tệ
- + Thông tin phi tài chính là các tác nghiệp và điều hành.

Các chuẩn mực đã được xây dựng và thiết lập:

Các chuẩn mực này là các quy phạm có tính chất nghề nghiệp, các tiêu chuẩn quy định nó là cơ sở để đánh giá thông tin. Có 2 loại chuẩn mực:

+ Các văn bản, các quy định có tính pháp luật và pháp quy của mọi lĩnh vực.

+ Các quy định có tính chất nội bộ của từng đơn vị, loại này có tính chủ quan cao nên kiểm toán viên cần phải thẩm định lại tính hợp pháp của các quy định nội bộ này.

Đơn vị được kiểm toán:

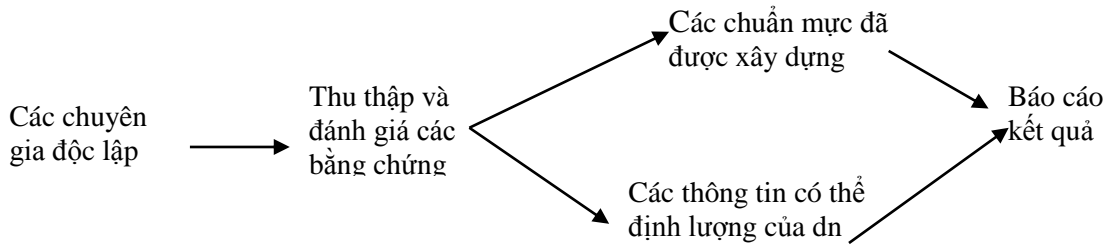
Một đơn vị được kiểm toán có thể là pháp nhân độc lập, thể nhân, đơn vị phụ thuộc,...

Báo cáo kết quả:

Là khâu cuối cùng của quá trình kiểm toán. Hình thức khác nhau tùy thuộc từng loại kiểm toán có thể là một bản báo cáo bằng văn bản rất chuẩn mực, nhưng cũng có thể chỉ là các báo cáo bằng miệng. Song đều giống nhau ở chỗ nội dung

đều phải trình bày ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên về mối tương quan giữa các thông tin đã thu thập được với các chuẩn mực đã được xây dựng.

Khái niệm chung về kiểm toán được tóm tắt bằng sơ đồ sau:



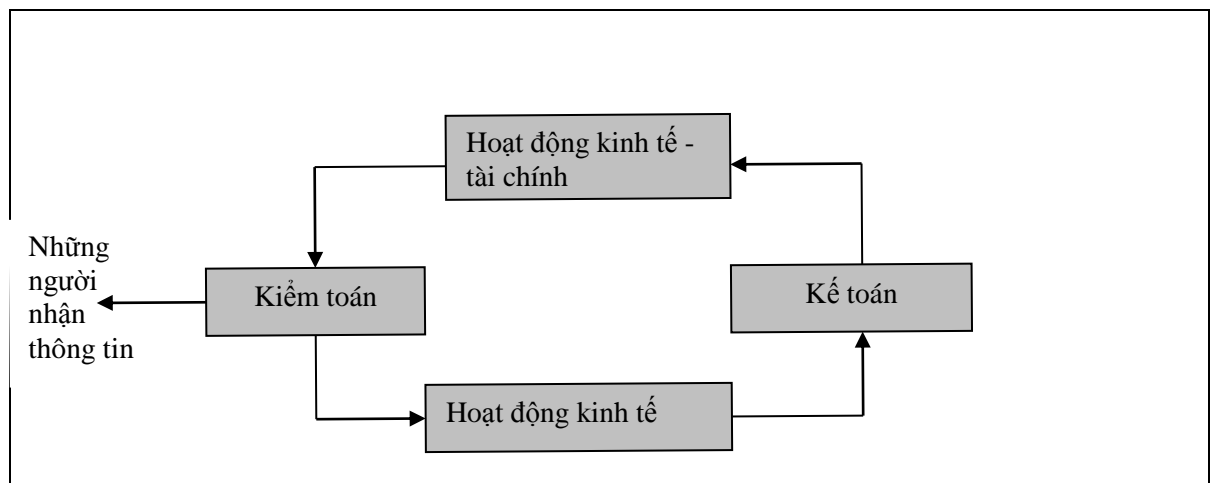
2. Các chức năng của kiểm toán

2.1. Chức năng xác minh

Trong nền kinh tế thị trường hoạt động kiểm toán đã trở thành nhu cầu tất yếu đối với hoạt động của các tổ chức, đơn vị. kiểm toán luôn đi liền và là sự tiếp nối với hoạt động kế toán. nếu kế toán làm nhiệm vụ tổ chức thu thập, xử lý và cung cấp thông tin, thì kiểm toán chính là sự xác nhận tính khách quan, tính chuẩn xác của thông tin; đồng thời kiểm toán còn đưa ra các thiết kế nhằm hoàn thiện các quá trình quản lý, quá trình tổ chức thông tin nhằm phục vụ có hiệu quả các đối tượng sử dụng thông tin kế toán.

+ Tính trung thực, đúng đắn của các số liệu

+ Tính hợp thức của các biểu mẫu phản ánh tình hình tài chính doanh nghiệp, đơn vị hoặc tổ chức đó. Các thông tin trước hết sẽ được xác minh qua hệ thống kiểm soát nội bộ, kết quả cuối cùng khi được xác minh sẽ được điều chỉnh để có hệ thống thông tin tin cậy và lập các bảng khai tài chính



Như vậy : Chức năng và nhiệm vụ của kiểm toán là kiểm tra và xác nhận độ tin cậy về chất lượng của các thông tin.

2.2. Chức năng bày tỏ ý kiến

Chức năng bày tỏ ý kiến được thể hiện bằng việc đưa ra những ý kiến nhận xét của KT viên về chất lượng và tính hợp lý của các thông tin tài chính, cụ thể:

+ Thực hiện tư vấn cho quản lý nhà nước về việc phát hiện những bất cập trong chế độ tài chính kế toán để từ đó kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét, nghiên cứu và hoàn thiện để phù hợp hơn

+ Hỗ trợ tư vấn cho các doanh nghiệp, đơn vị được KT: Thông qua các sai sót và các chỉ số yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ, KT viên đề xuất, gợi mở các biện pháp để khắc phục, chấn chỉnh hệ thống kiểm soát nội bộ đối với doanh nghiệp, đơn vị đó.

3. Ý nghĩa và tác dụng của kiểm toán

3.1. Kiểm toán góp phần tạo niềm tin cho những người quan tâm

Các thông tin được kiểm tra, đánh giá và xem xét chi tiết, do đó những người quan tâm đến đối tượng KT như lãnh đạo, nhà đầu tư, khách hàng, ngân hàng hay các cơ quan Nhà nước sẽ luôn có sự tin tưởng đối với các thông tin tài chính – kế toán của các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

3.2. Kiểm toán góp phần hướng nghiệp vụ

Hoạt động tài chính bao gồm các mối quan hệ về thanh toán, phân phối, kinh doanh, đầu tư. Hoạt động này ngày càng phức tạp bởi quan hệ chặt chẽ giữa lợi ích con người và các quan hệ tài chính, trong khi các thông tin kế toán lại là sự phản ánh các hoạt động về tài chính thông qua các phương pháp kỹ thuật đặc thù.

3.3. Kiểm toán góp phần nâng cao hiệu quả và hiệu năng quản lý

Ngoài việc xác định tính trung thực của thông tin, KT còn hỗ trợ tư vấn quản lý cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả quản lý, khắc phục những sai sót đang gặp phải để ngày càng hoàn thiện hơn

4. Mục đích và phạm vi của kiểm toán

4.1. Mục đích của kiểm toán

Trong nền kinh tế thị trường các thông tin tài chính có độ tin cậy, chính xác và trung thực hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với các chủ thể trong các hoạt

động kinh tế. Kiểm toán độc lập hình thành nhằm đáp ứng nhu cầu này của nền kinh tế.

Luật pháp nhiều nước khẳng định rằng, chỉ những báo cáo đã được xem xét và có chữ ký của kiểm toán viên độc lập mới được coi là hợp pháp, làm cơ sở cho nhà nước tính thuế cũng như các bên quan tâm khác đưa ra các quyết định kinh tế trong mối quan hệ với doanh nghiệp.

ở nước ta, trong Quy chế về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị định số 07/CP ngày 29/1/1994 của Chính phủ đã chỉ rõ “Sau khi có xác nhận của kiểm toán viên chuyên nghiệp thì các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các đơn vị kế toán là căn cứ cho việc điều hành, quản lý hoạt động ở đơn vị, cho các cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính nhà nước xét duyệt quyết toán hàng năm của các đơn vị kế toán, cho cơ quan thuế tính toán số thuế và các khoản phải nộp khác của đơn vị đối với ngân sách Nhà nước, cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh, các khách hàng và các tổ chức, cá nhân xử lý các mối quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong quá trình hoạt động của đơn vị”.

Như vậy mục đích tổng quát của kiểm toán là cung cấp sự đảm bảo cho bên thứ ba là những người sử dụng các thông tin tài chính rằng các thông tin họ được cung cấp có trung thực, hợp lý hay không. Trong nền kinh tế thị trường, có nhiều đối tượng khác nhau sử dụng kết quả kiểm toán với những mục đích khác nhau. Đối với Ngân hàng, những đối tượng cho vay vốn, họ cần biết rằng số vốn họ cho vay có được sử dụng đúng mục đích hay không, tình hình tài chính của đơn vị có cho thấy khả năng hoàn trả hay không. Đối với cơ quan thuế, căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán để tính và thu thuế, tương tự, đối với các cơ quan chức năng cũng căn cứ vào báo cáo tài chính được kiểm toán để thực hiện chức năng của mình. Đối với doanh nghiệp được kiểm toán mong muốn, thông qua kiểm toán, có được báo cáo tài chính phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), phát hiện và ngăn ngừa các sai sót và gian lận. Đối với chủ sở hữu doanh nghiệp, các cổ đông họ cần biết một cách đầy đủ, đúng đắn về kết quả kinh doanh, Tóm lại, kiểm toán phải mang lại sự thoả mãn cho những người sử dụng kết quả kiểm toán sự tin cậy, mức độ trung thực của các thông tin tài chính mà họ được cung cấp.

4.2. Phạm vi kiểm toán

Để hình thành ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính, kiểm toán viên phải có được các căn cứ vững chắc cũng như các thông tin cốt yếu trong công việc ghi

chép kế toán và các nguồn số liệu đáng tin cậy khác đã được dùng làm cơ sở cho việc xây dựng các báo cáo tài chính, hay nói cách khác, kiểm toán viên phải có đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do vậy phạm vi kiểm toán sẽ là những công việc, thủ tục kiểm toán cần thiết mà kiểm toán viên xác định và thực hiện trong quá trình kiểm toán để thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp cho ý kiến kiểm toán hay nói như chuẩn mực kiểm toán là để đạt được mục tiêu kiểm toán. Những công việc, thủ tục kiểm toán sẽ phụ thuộc vào nội dung kiểm toán, tuy nhiên những thủ tục kiểm toán này phải được xác định trên cơ sở chuẩn mực kiểm toán, phù hợp với yêu cầu của tổ chức nghề nghiệp, phù hợp với pháp luật và các thoả thuận trong hợp đồng kiểm toán. Các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp được thu thập thông qua các thủ nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản và bằng các phương pháp như kiểm tra, quan sát, điều tra, xác nhận, tính toán và qui trình phân tích. Việc thực hiện các phương pháp này một phần tùy thuộc vào thời gian thu thập các bằng chứng kiểm toán.

Xác định phạm vi kiểm toán có ý nghĩa quan trọng, mà trước hết các đơn vị được kiểm toán cần có những hiểu biết nhất định về kiểm toán, yêu cầu của kiểm toán và việc các kiểm toán viên tiến hành các thủ tục kiểm toán mà họ cho là cần thiết theo đó tạo điều kiện, cung cấp đầy đủ cho kiểm toán viên. Việc các đơn vị được kiểm toán không thực hiện đúng các thoả thuận trong hợp đồng kiểm toán, lẩn tránh trách nhiệm hoặc từ chối cung cấp những thông tin, bằng chứng cần thiết, hay ngăn chặn công việc của kiểm toán viên đều dẫn đến việc phạm vi kiểm toán bị giới hạn, trong trường hợp này, nếu kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác một cách hợp lý, khi đó cần đưa ra ý kiến từ chối. Tuy nhiên đôi khi do hạn chế về thời gian, hoàn cảnh cũng có thể dẫn đến phạm vi kiểm toán bị giới hạn. Trong những trường hợp như vậy, kiểm toán viên phải cố gắng tìm ra các phương pháp hợp lý để thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để có thể nêu ý kiến “chấp nhận toàn bộ” trong báo cáo kiểm toán. Nếu không, tùy theo tính chất, mức độ trọng yếu và các bằng chứng bổ sung mà kiểm toán viên đánh giá mức độ cần thiết để đưa ra ý kiến phù hợp.

5. Các loại kiểm toán

5.1. Phân loại kiểm toán theo chức năng

a. Kiểm toán hiệu quả (hoạt động)

Kiểm toán hoạt động: Là việc kiểm tra và đánh giá tính hữu hiệu và tính hiệu quả trong hoạt động của một bộ phận hay toàn bộ một tổ chức, một đơn vị.